

Bản án số: 183/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 12 – 2024

“ *V/v Tranh chấp ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Lực

2/ Ông Trần Công Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **483/2024/ TLST – HNGĐ** ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1995 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ cư trú: ấp F, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Lê Công Đ, sinh năm: 1993 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ cư trú: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/9/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Đ hôn nhân hình thành là do tự tìm hiểu có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 27/3/2014. Sau khi cưới chị và anh Đ chung sống tại xã Q. Thời gian đầu chị và anh Đ chung sống Như phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không còn hạnh phúc. Chị N và anh Đ ly thân từ đầu tháng 6 năm 2020 đến nay.

Nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Lê Công V, sinh ngày 07/01/2015 và hiện đang sống chung với anh Đ. Khi ly hôn, tôi đồng ý để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tôi tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Tại bản khai ý kiến ngày 19/11/2024, bị đơn anh Lê Công Đ trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Công V, sinh ngày 07/01/2015 và hiện đang sống chung với tôi. Khi ly hôn, tôi yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tôi đồng ý việc chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[1.2] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét thấy, giữa Chị N và anh Đ có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa Chị N và anh Đ có nhiều mâu thuẫn như: Vợ chồng thường hay cự cãi vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị N và anh Đ đã ly thân với nhau từ đầu tháng 6/2024 đến nay từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Đồng thời anh Đ cũng thống nhất ly hôn với chị N.

Từ đó, mâu thuẫn giữa Chị N và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh Đ có 01 con chung Lê Công V, sinh ngày 07/01/2015. Sau khi ly hôn, chị N và anh Đ thống nhất giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đồng thời, tại bản khai ý kiến, cháu V có nguyện vọng ở chung với anh Đ để tiếp tục đi học. Do đó, ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh Đ là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu số tiền án phí là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147 và 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc N và anh Lê Công Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Công V, sinh ngày 07/01/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị N và anh Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc N phải nộp số tiền là: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009463 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, nên chị N không phải nộp thêm.

Anh [Đ](#) không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mẫn

